

Chương 3. Chính sách nguồn lực kinh tế quốc tế

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 1

3.1. Bản chất của sự chuyển dịch các nguồn lực KTQT

- ❖ Khi nghiên cứu thương mại quốc tế, giả thiết không có di chuyển nguồn lực (yếu tố sản xuất) giữa các quốc gia.
- ❖ Thực tế: vốn và lao động di chuyển giữa các quốc gia, đặc biệt là vốn.
- ❖ Nguyên tắc di chuyển nguồn lực: từ nơi có giá thấp tới nơi có giá cao.
- ❖ Di chuyển nguồn lực và thương mại hàng hóa có thể thay thế và bổ sung cho nhau.
- ❖ Khi nghiên cứu tác động của di chuyển nguồn lực, giả thiết rằng không có thương mại hàng hóa.

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 2

3.1.1. Bản chất của sự di chuyển vốn quốc tế

- ❑ Di chuyển vốn quốc tế là hình thức vận động của vốn vượt ra ngoài phạm vi quốc gia nhằm tìm kiếm lãi suất tối ưu.
- ❑ Nguyên nhân của sự di chuyển vốn là do trình độ phát triển kinh tế của các quốc gia khác nhau nên có quốc gia dư thừa vốn, có quốc gia khan hiếm vốn → giá vốn ở các quốc gia không ngang bằng nhau, nơi cao, nơi thấp → có sự dịch chuyển vốn từ nơi có giá thấp đến nơi có giá cao.

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 3

3.1.1. Bản chất của sự di chuyển vốn quốc tế

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 4

3.1.1.1. Các hình thức di chuyển vốn quốc tế

- ❖ Phân theo mối quan hệ giữa quyền sở hữu và quyền quản lý điều hành đối tượng đầu tư:
 - ❑ Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment – FDI)
 - ❑ Đầu tư gián tiếp nước ngoài (Foreign Indirect Investment – FII)

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 5

3.1.1.1. Các hình thức di chuyển vốn quốc tế

- i. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment – FDI): là loại hình di chuyển vốn quốc tế trong đó người chủ sở hữu đồng thời là người trực tiếp quản lý và điều hành đối tượng đầu tư.

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 6

3.1.1.1. Các hình thức di chuyển vốn quốc tế

(i) Đầu tư trực tiếp nước ngoài:

- Đặc điểm:
 - Quyền sở hữu và quyền sử dụng vốn gắn chặt với nhau.
 - Các chủ đầu tư nước ngoài phải đóng góp một số vốn tối thiểu theo luật đầu tư của mỗi quốc gia (VN: 30%)
 - Quyền quản lý, điều hành phụ thuộc vào mức độ vốn góp.
 - Lợi nhuận có được phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh và được phân chia theo tỉ lệ vốn góp.

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

7

3.1.1.1. Các hình thức di chuyển vốn quốc tế

(i) Đầu tư trực tiếp nước ngoài:

- Các hình thức đầu tư:
 - Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Contractual Business Cooperations)
 - Xí nghiệp liên doanh (Joint Venture Enterprise)
 - Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (Enterprise with one hundred percent foreign owned capital)
 - Hợp đồng "Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao" (Build – Operate – Transfer: BOT) hoặc BTO, BT...

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

8

3.1.1.1. Các hình thức di chuyển vốn quốc tế

(i) Đầu tư trực tiếp nước ngoài:

- Ưu điểm:
 - Đối với nước đầu tư
 - Đối với nước tiếp nhận vốn đầu tư
- Nhược điểm:
 - Đối với nước đầu tư
 - Đối với nước tiếp nhận vốn đầu tư

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

9

3.1.1.1. Các hình thức di chuyển vốn quốc tế

ii. Đầu tư gián tiếp nước ngoài (Foreign Indirect Investment – FII): là loại hình di chuyển vốn giữa các quốc gia trong đó người sở hữu vốn không trực tiếp quản lý và điều hành đối tượng đầu tư.

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

10

3.1.1.1. Các hình thức di chuyển vốn quốc tế

(ii) Đầu tư gián tiếp:

- Đặc điểm:
 - Quyền sở hữu và quyền sử dụng vốn tách rời nhau. Chủ sở hữu vốn không trực tiếp điều hành hoạt động của đối tượng đầu tư.
 - Chủ sở hữu vốn không chịu trách nhiệm về kết quả của đối tượng đầu tư, họ kiểm lời thông qua lãi suất cho vay hay lợi tức cổ phần.
 - Lượng vốn đầu tư phụ thuộc vào nguồn gốc.

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

11

3.1.1.1. Các hình thức di chuyển vốn quốc tế

(ii) Đầu tư gián tiếp:

- Hình thức đầu tư: Đầu tư gián tiếp bao gồm các khoản đầu tư vào: (1) cổ phiếu, trái phiếu; (2) các công cụ thị trường tiền tệ (trái phiếu chính phủ, chứng chỉ tiền gửi...); (3) công cụ tài chính phái sinh: hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi.
- Nguyên nhân chủ yếu của đầu tư gián tiếp nước ngoài là đạt được lợi nhuận cao nhất, đồng thời đa dạng hóa đầu tư nhằm giảm mức độ rủi ro.

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

12

3.1.1.1. Các hình thức di chuyển vốn quốc tế

(ii) Đầu tư gián tiếp nước ngoài:

- Ưu điểm:
 - Đối với nước đầu tư
 - Đối với nước tiếp nhận vốn đầu tư
- Nhược điểm:
 - Đối với nước đầu tư
 - Đối với nước tiếp nhận vốn đầu tư

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

13

3.1.1.2. Xu hướng của đầu tư trực tiếp trên thế giới hiện nay

- Chủ yếu vào các nước công nghiệp phát triển.
- Trung Quốc trở thành nước thu hút FDI nhiều nhất.
- Vai trò đầu tư ra các nước của các nước NICs.
- Đầu tư nhiều hơn vào các lĩnh vực thương mại, dịch vụ tài chính và các ngành có hàm lượng kỹ thuật cao.

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

14

3.1.2. Bản chất của sự di chuyển lao động quốc tế

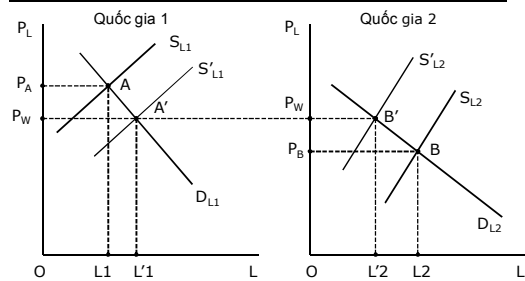
- Di chuyển lao động quốc tế là hiện tượng người lao động di chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác có kèm theo thay đổi về chỗ ở và thường trú.
- Di chuyển lao động vì:
 - Lý do kinh tế: do thu nhập hay môi trường làm việc thúc đẩy.
 - Lý do phi kinh tế: di cư do áp lực của tôn giáo, chính trị, chiến tranh, thảm họa.
- Nguyên nhân của sự di chuyển lao động (vì lý do kinh tế) là do chênh lệch về giá lao động giữa các quốc gia.

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

15

3.1.2. Bản chất của sự di chuyển lao động quốc tế



21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

16

3.2. Tác động và hiệu quả của sự chuyển dịch vốn quốc tế

- ❖ Nguyên tắc phân tích:
 - So sánh tổng sản phẩm quốc dân (GNP) trước và sau có di chuyển vốn quốc tế.
 $GNP = GDP + NIA$ (Net Income from Abroad)
 - Nguyên nhân cơ bản, duy nhất của di chuyển vốn quốc tế là sự khác biệt về lợi nhuận giữa các quốc gia.
 - Không có thương mại hàng hóa
 - Các nguồn lực sử dụng hoàn toàn
 - Không có rào cản trong di chuyển nguồn lực

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

17

Giá trị sản phẩm biên của vốn (The Value of Marginal Product of Capital – VMPK)

- ❖ **Khái niệm:** Giá trị sản phẩm biên của vốn tại một quốc gia là mức gia tăng giá trị GDP khi lượng vốn sử dụng tăng thêm một đơn vị, trong điều kiện số lượng sử dụng các yếu tố khác là không đổi.

$$VMPK = \frac{\Delta GDP}{\Delta K}$$

- Khái niệm VMPK của 1 quốc gia tương tự khái niệm doanh thu sản phẩm biên của vốn đối với doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh.

21-Dec-16

Hồ Văn Dũng

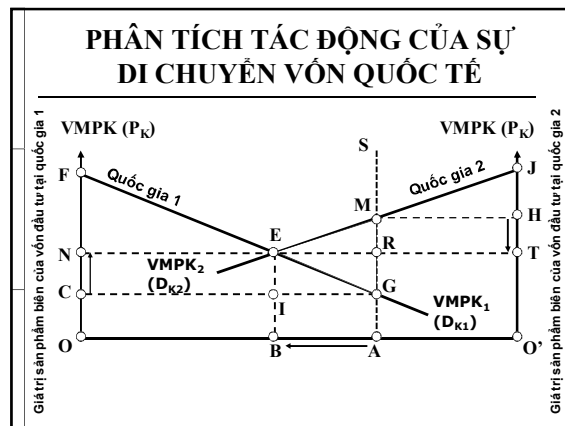
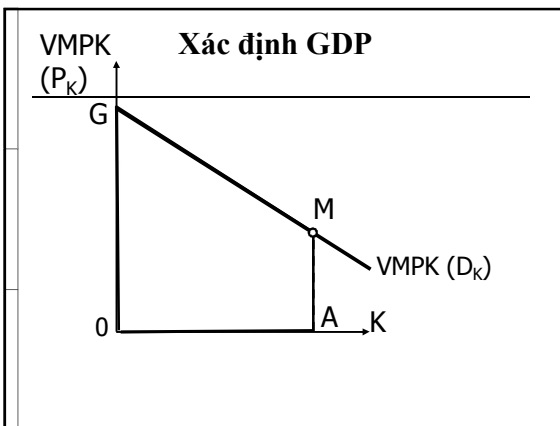
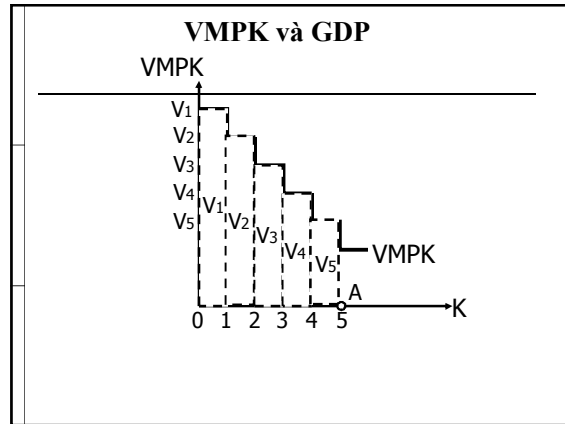
18

Giá trị sản phẩm biên của vốn (The Value of Marginal Product of Capital – VMPK)

❖ Tính chất đường VMPK của quốc gia:

- Đường VMPK là đường cầu vốn của quốc gia.
- Từ đường VMPK, có thể xác định được giá trị GDP được sản xuất ứng với lượng vốn được sử dụng:
GDP là phần diện tích nằm dưới đường giá trị sản phẩm biên tương ứng với lượng vốn sử dụng.

21-Dec-16 Hà Văn Dũng 19



3.2. Tác động và hiệu quả của sự chuyển dịch vốn quốc tế (tt)

❖ Ví dụ phân tích:

- Thế giới chỉ có 2 quốc gia: QG1 và QG2.
- Tổng số vốn đầu tư vào SX của hai quốc gia là OO' .
- Quốc gia 1:
 - > VMPK1 → đường cầu vốn QG1 (DK_1)
 - > Số lượng vốn của QG1: OA
- Quốc gia 2:
 - > VMPK2 → đường cầu vốn QG2 (DK_2)
 - > Số lượng vốn của QG2: $O'A$
- Tại mỗi QG khi đầu tư vốn sẽ kéo theo đầu tư các yếu tố khác (lao động, đất đai,...) và tạo ra giá trị sản phẩm.
- Xem xét và so sánh: có di chuyển vốn quốc tế và không có di chuyển vốn quốc tế.

3.2. Tác động và hiệu quả của sự chuyển dịch vốn quốc tế (tt)

❖ Khi không có di chuyển vốn quốc tế:

- AS là đường cung vốn của QG1 và QG2.
- Quốc gia 1:
 - > Giá vốn (lợi tức của vốn) trong nước: $P_{K1} = OC$ (tại điểm cân bằng G đường AS cắt đường DK_1).
 - > $GNP_1 = GDP_1 = OFGA = OCGA + CFG$
 - > $OQGA \rightarrow$ thu nhập từ vốn; $CFG \rightarrow$ thu nhập từ lao động.
- Quốc gia 2:
 - > Giá vốn trong nước: $P_{K2} = O'H$ (tại điểm cân bằng M đường AS cắt đường DK_2)
 - > $GNP_2 = GDP_2 = O'JMA = O'HMA + HJM$
 - > $O'HMA \rightarrow$ thu nhập từ vốn; $HJM \rightarrow$ thu nhập từ lao động.
- $P_{K1} < P_{K2}$ ($OC < O'H$)

3.2. Tác động và hiệu quả của sự chuyển dịch vốn quốc tế (tt)

- ❖ Sau khi có sự di chuyển vốn quốc tế:
 - Lượng vốn BA di chuyển từ QG1 sang QG2.
 - Giá thuê vốn tại hai quốc gia cân bằng tại E: $P'_{K1} = ON = P'_{K2} = O'T$
 - Vốn sử dụng của QG1 là OB; QG2 là O'B
 - Quốc gia 1:
 - > $GNP'_1 = GDP'_1 + \text{Net Income from Abroad (NIA}_1) = OFEB + BERA = (ONEB + BERA) + NFE = OFERA$.
 - > $(ONEB + BERA) \rightarrow$ thu nhập từ vốn; $NFE \rightarrow$ thu nhập từ lao động.
 - Quốc gia 2:
 - > $GNP'_2 = GDP'_2 + \text{Net Income from Abroad (NIA}_2) = O'JEB - BERA = (O'TEB - BERA) + TJE = O'JERA$
 - > $(O'TEB - BERA) \rightarrow$ thu nhập từ vốn; $TJE \rightarrow$ thu nhập từ ld.

3.2. Tác động và hiệu quả của sự chuyển dịch vốn quốc tế (tt)

- ❖ Lợi ích của các quốc gia:
 - Quốc gia 1 (quốc gia xuất khẩu vốn/ quốc gia đi đầu tư):
 - > Thay đổi lợi ích ròng: $GNP'_1 - GNP_1 = OFERA - OFGA = ERG$
 - > Quốc gia 1 có lợi: $GNP \uparrow$; (nhưng $GDP \downarrow$)
 - Quốc gia 2 (quốc gia nhập khẩu vốn/ quốc gia nhận đầu tư):
 - > Thay đổi lợi ích ròng: $GNP'_2 - GNP_2 = O'JERA - O'JMA = ERM$
 - > Quốc gia 2 có lợi: $GNP \uparrow$; (và $GDP \uparrow$)

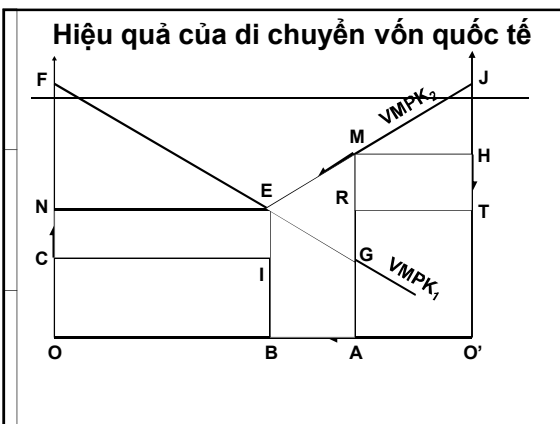
3.2. Tác động và hiệu quả của sự chuyển dịch vốn quốc tế (tt)

- ❖ Phân phối lại thu nhập:
 - Quốc gia 1 (quốc gia xuất khẩu vốn/ quốc gia đi đầu tư):
 - > Thu nhập từ vốn tăng: $P'_{K1} = ON > P_{K1} = OC$
 - > Thu nhập từ lao động giảm: $NFE < CFG$
 - Quốc gia 2 (quốc gia nhập khẩu vốn/ quốc gia nhận đầu tư):
 - > Thu nhập từ vốn giảm: $P'_{K2} = O'T < P_{K2} = O'H$
 - > Thu nhập từ lao động tăng: $TJE > HJM$

3.2. Tác động và hiệu quả của sự chuyển dịch vốn quốc tế (tt)

Tóm lại:

- ❖ Quốc gia xuất khẩu vốn/quốc gia đi đầu tư (QG1):
 - > GNP tăng
 - > GDP giảm
 - > Thu nhập từ vốn tăng
 - > Thu nhập từ lao động giảm
- ❖ Quốc gia nhập khẩu vốn/quốc gia nhận đầu tư (QG2):
 - > GNP tăng
 - > GDP tăng
 - > Thu nhập từ vốn giảm
 - > Thu nhập từ lao động tăng



3.3. Tác động và hiệu quả của sự chuyển dịch lao động quốc tế

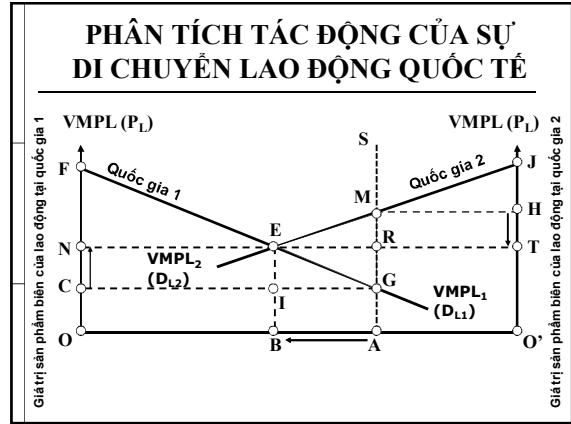
- ❑ Tác động kinh tế của di chuyển lao động quốc tế
- ❖ Phân tích tương tự như di chuyển vốn quốc tế.
- **Giá trị sản phẩm biên của lao động** (Value of Marginal Product of Labor – VMPL)
 Giá trị sản phẩm biên của lao động của một quốc gia là mức gia tăng GDP khi lượng lao động sử dụng tăng thêm một đơn vị, trong điều kiện số lượng sử dụng các yếu tố khác là không đổi.

$$VMPL = \frac{\Delta GDP}{\Delta L}$$

3.3. Tác động và hiệu quả của sự chuyển dịch lao động quốc tế (tt)

- ❖ Tính chất đường VMPL của quốc gia:
 - Đường VMPL là đường cầu lao động.
 - Từ đường VMPL, có thể xác định được giá trị GDP được sản xuất ứng với lượng lao động sử dụng:
GDP là phần diện tích nằm dưới đường giá trị sản phẩm biên tương ứng với lượng lao động sử dụng.

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 31

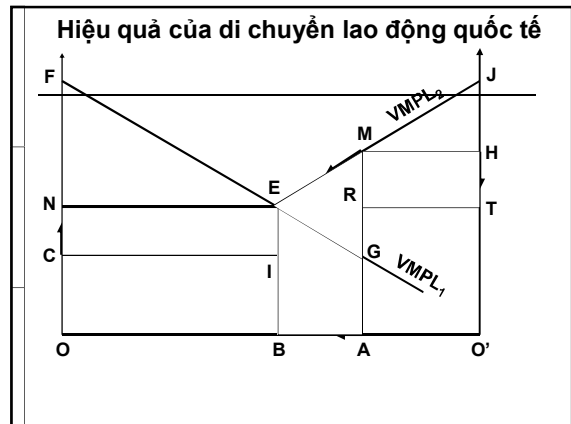


3.3. Tác động và hiệu quả của sự chuyển dịch lao động quốc tế (tt)

Tóm lại:

- ❖ Quốc gia xuất khẩu lao động (QG1):
 - > GNP tăng
 - > GDP giảm
 - > Thu nhập từ lao động tăng
 - > Thu nhập từ vốn giảm
- ❖ Quốc gia nhập khẩu lao động (QG2)
 - > GNP tăng
 - > GDP tăng
 - > Thu nhập từ lao động giảm
 - > Thu nhập từ vốn tăng

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 33



KẾT THÚC CHƯƠNG 3

21-Dec-16 Hồ Văn Dũng 35